

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 7- 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Hà Vĩnh, ông Hoàng Anh Tài.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L

Nơi đăng ký HKTT: thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Quách Văn T

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị L, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Quách Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/8/2012 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống, do đó vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hoà giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện được. Chị L đã về nhà mẹ đẻ tại thôn 1, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hoá sinh sống từ đầu năm 2020 đến nay, cũng từ đó chị L và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Vũ Ánh L, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Quách Hoàng N, sinh ngày 05/12/2016. Từ khi vợ, chồng sống ly thân hai con ở với anh T. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Quách Văn T để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lí do.

Tại phiên tòa anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Quách Văn T và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L coi thường, xúc phạm chồng, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2020 đến nay, không quan tâm đến con cái, gia đình. Đến nay chị L xin ly hôn anh, anh T cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Vũ Ánh L, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Quách Hoàng N, sinh ngày 05/12/2016. Từ khi vợ, chồng sống ly thân hai con ở với anh T và bà nội. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Quách Văn T. Về con chung: Giao cháu Quách Vũ Ánh L, sinh ngày 12/8/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quách Hoàng N, sinh ngày 05/12/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Quách Văn T. Anh T cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Quách Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/8/2012 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hoá, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Điều đó chứng tỏ chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Quách Vũ Ánh L (Giới tính: Nữ), sinh ngày 12/8/2013 và cháu Quách Hoàng N (Giới tính: Nam), sinh ngày 05/12/2016. Xét nguyện vọng của chị L và anh T đều muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh T và chị L là chính đáng, tuy nhiên từ khi chị L và anh T sống ly thân, các con ở với anh T, được anh T và bà nội các cháu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị L cũng thường xuyên qua lại chăm sóc và chu cấp tiền nuôi các con. Tuy nhiên anh T và chị L đều thu nhập thấp, việc một người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là rất khó khăn. Bản thân cháu Quách Vũ Ánh L khi được hỏi nguyện vọng, cháu cũng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con, cần giao cháu Linh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nam cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị L, anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Quách Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Vũ Ánh L,(Giới tính:Nữ) sinh ngày 12/8/2013 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Quách Hoàng N,(Giới tính:Nam) sinh ngày 05/12/2016 cho anh Quách Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L và anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002990 ngày 19/01/2021. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn

